

Số: /BC-UBND

Thuận Nam, ngày tháng 5 năm 2022

BÁO CÁO

Việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, bảo vệ; phát triển rừng (rừng tự nhiên, rừng trồng); tỷ lệ che phủ rừng giai đoạn 2016 – 2021 trên địa bàn huyện Thuận Nam

Thực hiện Công văn số 72/HĐND-VP ngày 29/3/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc báo cáo giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng giai đoạn 2016-2021;

Ủy ban nhân dân huyện Thuận Nam báo cáo kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, bảo vệ; phát triển rừng (*rừng tự nhiên, rừng trồng*); tỷ lệ che phủ rừng giai đoạn 2016 - 2021 trên địa bàn huyện như sau:

I. Khái quát đặc điểm tình hình

1. Thực trạng tài nguyên rừng:

- Theo Quyết số 199/QĐ-UBND ngày 28/6/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kết quả quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016-2025; tính đến ngày 31/12/2021, huyện Thuận Nam có tổng diện tích tự nhiên là: 56.333,15 ha, tổng rừng và đất lâm nghiệp là 32.191,07 ha (*trong đó: Diện tích đất có rừng: 24.081,99 ha; diện tích đất chưa có rừng: 8.109,08 ha*).

- Theo Quyết định số 543A/QĐ-UBND ngày 25/02/2022 của UBND huyện về công bố hiện trạng rừng năm 2021 trên địa bàn huyện Thuận Nam;

+ Diện tích đất có rừng: 24.225,16 ha; trong đó: Rừng tự nhiên: 22.430,30 ha và Rừng trồng: 1.794,86 ha.

+ Diện tích đất có rừng đủ tiêu chí để tính tỷ lệ che phủ toàn huyện là: 24.081,99 ha; tương ứng tỷ lệ độ che phủ rừng là 42,75%. (*Qua rà soát rừng trồng ngoài lâm nghiệp theo Quyết định số 1339/QĐ-UBND của UBND tỉnh về phê duyệt đề cương và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ rà soát diện tích rừng trồng ngoài quy hoạch 03 loại rừng để cập nhật tỷ lệ độ che phủ rừng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; có diện tích 212,3 ha; tương ứng tỷ lệ độ che phủ rừng 43,13%*).

(Kèm bảng phụ biểu số 07)

Đặc điểm rừng của huyện Thuận Nam có địa hình và độ chia cắt lớn, độ dốc cao, giao thông đi lại khó khăn, có nhiều cửa ngõ ra vào rừng; hiện trạng đa phần là rừng khộp, chưa phong phú về giống, chủng loại, diện tích rừng thuần loài chiếm tỷ lệ lớn, cấu trúc rừng đơn giản. Khu vực rừng phòng hộ đầu nguồn Tân Giang có một số chủng loại cây có giá trị kinh tế cao như: Căm xe, gỗ, Giáng Hương, Dầu, Thông 2 lá.

2. Thực trạng về lực lượng: Hiện trên địa bàn huyện có 04 Đơn vị có chức năng, nhiệm vụ liên quan đến công tác quản lý nhà nước và phát triển, bảo vệ rừng.

- Phòng Nông nghiệp và PTNT (*Đơn vị quản lý nhà nước*): 05 biên chế công chức.

- Hạt Kiểm lâm: 15 công chức.

- Ban QLRPHĐN Hồ Tân Giang: Tổng số là 31 người (*có 02 Trạm QLBRV gồm Trà Nô và Tân Giang*).

- Ban quản lý rừng PHVB Thuận Nam: Tổng số là 23 người.

II. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, bảo vệ; phát triển rừng (*rừng tự nhiên, rừng trồng*); tỷ lệ che phủ rừng giai đoạn 2016 - 2021 trên địa bàn huyện.

1. Căn cứ pháp lý để triển khai thực hiện về công tác quản lý, bảo vệ; sử dụng đất rừng, phát triển rừng trong giai đoạn 2016 - 2021.

Trong giai đoạn từ 2016-2021, Cấp ủy và chính quyền Thuận Nam đã căn cứ các Văn bản chỉ đạo của Trung ương, các Bộ, ngành liên quan để chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả công tác quản lý, sử dụng đất rừng, bảo vệ và phát triển rừng, cụ thể:

- Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14, ngày 15 tháng 11 năm 2017; Luật Dân quân tự vệ số 48/2019/QH14, ngày 22/11/2019;

- Chỉ thị 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng;

- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lâm nghiệp và Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

- Nghị định số 02/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ Quy định về hoạt động phối hợp của Dân quân tự vệ;

- Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21/03/2017 của Chính phủ Quy định tổ chức, hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn;

- Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

- Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 05/8/2021 của Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025;

- Nghị định số 01/2019/NĐ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về Kiểm lâm và Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng;

- Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quy chế số 06/QC-BCA-BNN&PTNT ngày 30/12/2020 giữa Bộ Công an và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về phối hợp trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Thông tư số 25/2019/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về phòng cháy, chữa cháy rừng;

- Kế hoạch số 66/KHPH-PCCC-KL ngày 09/4/2021 về việc phối hợp giữa Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ và Cục Kiểm lâm trong công tác phòng cháy, chữa cháy rừng.

- Chỉ thị số 1685/CT-TTg ngày 27/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường chỉ đạo thực hiện các biện pháp bảo vệ rừng, ngăn chặn tình trạng phá rừng và chống người thi hành công vụ;

- Quyết định số 38/2005/QĐ-BNN ngày 07/7/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành định mức kinh tế-kỹ thuật trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh và bảo vệ rừng;

- Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 Quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản;

- Thông tư số 21/2017/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 886/QĐ-TTg ngày 16/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020;

- Thông tư số 25/2019/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về phòng cháy, chữa cháy rừng;

- Quy chế số 06/QC-BCA-BNN&PTNT ngày 30/12/2020 giữa Bộ Công an và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về phối hợp trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

2. Công tác tham mưu, ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành, tổ chức triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, bảo vệ; sử dụng đất rừng, phát triển rừng giai đoạn 2016 - 2021.

Trên cơ sở các Văn bản của UBND tỉnh: (1) Quyết định 199/QĐ-UBND ngày 28/6/2018 về việc phê duyệt kết quả quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016-2025; (2) Quyết định số 276/QĐ-UBND ngày 16/7/2019 bổ sung một số nội dung tại Điều 1 Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 28/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh; (3) Quyết định số 241/QĐ-UBND ngày 19/8/2020 về điều chỉnh, bổ sung một số nội dung trong quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016 - 2020. Theo đó, để thực hiện có hiệu quả chính sách pháp luật về quản lý, sử dụng đất rừng, hàng năm Thường trực huyện ủy, UBND huyện Thuận Nam đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn chủ động phối hợp với các cơ quan

quản lý rừng trên địa bàn huyện tham mưu, ban hành văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện:

- Huyện ủy: ban hành Kế hoạch số 96-KH/HU ngày 31/8/2017 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý bảo vệ rừng và phát triển rừng;

- Ủy ban nhân dân huyện ban hành:

- + Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 22/9/2016 của Ủy ban nhân dân huyện về việc tăng cường công tác kiểm tra, xử lý hành vi phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp trên địa bàn huyện Thuận Nam;

- + Kế hoạch số 48/KH-UBND ngày 13/3/2018 triển khai, thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ rừng và phát triển rừng

- + Quyết định số 543A/QĐ-UBND ngày 25/02/2022 về việc công bố hiện trạng rừng năm 2021 trên địa bàn huyện Thuận Nam;

- + Đồng thời phối hợp với các huyện giáp ranh như UBND huyện Ninh Sơn, Ninh Phước ban hành các quy chế phối hợp: Quy chế số 01/QCPH-UBNDHTN-UBNDHNP ngày 09/3/2017 giữa UBND huyện Thuận Nam với UBND huyện Ninh Phước; Quy chế số 02/QCPH-UBNDHTN-UBNDHNS ngày 09/3/2017 giữa UBND huyện Thuận Nam với UBND huyện Ninh Sơn.

- + Hàng năm, Ủy ban nhân dân huyện ban hành phương án Phòng cháy chữa cháy rừng - Truy quét chống phá rừng; kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng; kế hoạch trước, trong và sau tết Dương Lịch, Nguyên Đán. Đồng thời chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chủ rừng và Ủy ban nhân dân các xã triển khai phương án Phòng cháy chữa cháy rừng – Truy quét chống phá rừng và phối hợp các lực lượng Kiểm lâm, Công an, Quân đội trong công tác bảo vệ và phòng chống cháy rừng. Chỉ đạo Hạt Kiểm lâm huyện phối hợp chặt chẽ với Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ triển khai công tác phòng cháy, chữa cháy rừng.

3. Công tác tuyên truyền.

Xác định công tác tuyên truyền là giải pháp nâng cao nhận thức, ý nghĩa, tầm quan trọng, trách nhiệm của các cấp ủy, chính quyền trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Do đó từ năm 2016-2021, Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện tăng cường tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh về các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước bảo vệ và phát triển rừng; hậu quả của việc chặt phá rừng trái quy định nhằm lấn chiếm đất rừng, các hành vi vi phạm, mức xử lý vi phạm; tác động của biến đổi khí hậu, môi trường, thiên tai do chặt phá rừng... Qua đó đã nâng cao nhận thức, trách nhiệm của Nhân dân trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

Ngoài ra, UBND huyện đã chỉ đạo các địa phương, đơn vị quản lý rừng tổ chức tuyên truyền bằng nhiều hình thức phong phú, phù hợp với từng đối tượng như: tổ chức họp dân, vận động các hộ ký cam kết không vi phạm pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng; tuyên truyền lưu động, tuyên truyền trực quan bằng bảng Pano. Kết quả như sau:

- Tuyên truyền bằng hình thức họp dân: 145 đợt/ 4.531 lượt người.
- Tổ chức cho 1.599 hộ dân ký cam kết không chặt phá rừng, phòng chống cháy rừng.
- Tuyên truyền lưu động: 06 đợt trên địa bàn các xã Phước Minh, Cà Ná, Phước Diêm và Phước Dinh.
- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức bảo vệ rừng cho 23/23 cơ sở kinh doanh, chế biến lâm sản.
- Tham gia hội thi quản lý, bảo vệ và phát triển rừng: 01 đợt.

(kèm phụ biểu 1)

- Đồng thời tổ chức gắn 02 Camera theo dõi việc vận chuyển cây cảnh kết hợp an ninh trật tự trên địa bàn xã Phước Minh.

4. Những hạn chế, vướng mắc và nguyên nhân (khách quan, chủ quan):

a) Hạn chế quy định trong văn bản quy phạm pháp luật.

- *Đối với Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2019 của Chính phủ:*

+ Hiện chưa có Văn bản hướng dẫn thẩm quyền thẩm quyền xử phạt của Kiểm lâm viên đang thi hành công vụ và Trạm trưởng Trạm Kiểm lâm tại Điểm 1, 2 Điều 26 Nghị định 35/2019/NĐ-CP nên việc triển khai thực hiện còn lúng túng.

+ Các đơn vị chủ rừng không có chức năng ban hành Quyết định xử lý về hành vi vi phạm pháp luật về lâm nghiệp, chỉ thực hiện công tác quản lý, bảo vệ và phát triển vốn rừng, khi kiểm tra phát hiện thì lập biên bản ban đầu để chuyển cho Kiểm lâm xử lý theo quy định, do đó thời gian xử lý vụ việc thường hay kéo dài và khó xác định chứng cứ.

+ Thường thì các vụ việc phá rừng không được phát hiện hành vi trực tiếp khi đối tượng đang chặt, phá; không có người chứng kiến nên không thể tạm giữ tang vật vi phạm và hình ảnh phá rừng. Các đối tượng vi phạm hành chính khi được mời lên làm việc thường không hợp tác và không ký vào Biên bản nên rất khó khăn trong công tác thiết lập hồ sơ ban đầu để xử lý.

- *Đối với Luật số: 67/2020/QH14 ngày 13/11/2020:*

Quy định về thời gian ban hành Quyết định tịch thu tang vật, phương tiện không xác định được người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp là **01 năm 15 ngày**. Do đó, tang vật là lâm sản, dễ bị hư hỏng nếu chưa xác định được chủ sở hữu trong thời gian hơn một năm thì điều kiện bảo quản tang vật không bảo đảm (quy định tại điểm b, khoản 4, điều 125: *Trường hợp không xác định được người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp của tang vật, phương tiện thì người ra quyết định tạm giữ phải thông báo 02 lần trên phương tiện thông tin đại chúng của trung ương hoặc địa phương nơi tạm giữ tang vật, phương tiện. Lần thông báo thứ nhất phải được thực hiện trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện. Lần thông báo thứ hai được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo thứ nhất. Hết thời hạn 01 năm, kể từ ngày*

thông báo lần thứ hai nếu người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp không đến nhận thì trong thời hạn **05 ngày làm việc**, người có thẩm quyền phải ra quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính).

- Đối với Thông tư 27/2018/TT-BNNPTNT:

+ Hiện nay một số cây rừng (*Cây cổ thụ, cây cảnh*) còn sót lại trên đất nông nghiệp, trong khu dân cư vẫn được người dân tận dụng nhưng chưa có hướng dẫn hay quy định cụ thể nên việc quản lý, sử dụng hết sức khó khăn.

+ Việc khai thác gỗ đối với thực vật (*cây gỗ*) trùng với tên cây rừng tự nhiên trên đất khác (*ngoài Lâm nghiệp*) hiện nay chưa có nội dung điều chỉnh.

b) Hạn chế quy định trong các văn bản chỉ đạo, điều hành triển khai thực hiện.

- Việc thiết lập hồ sơ ban đầu (*Biên bản làm việc*) trong lúc tuần tra phát hiện vụ các vụ việc vi phạm nhưng không có đối tượng, nên việc thể hiện vào hồ sơ có người chứng kiến sẽ rất khó khăn.

- Kinh phí cấp cho việc theo dõi diễn biến, cập nhật thông tin rừng và đất rừng tại Thông tư 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 rất thấp và chưa phù hợp tình hình thực tế (*định mức là 15.000 đồng/ha theo quy định tại Thông tư 102/2000/TT-BNNPTNT ngày 02/10/2000 của Bộ NNPTNT*) nên việc kiểm tra, cập nhật chưa kịp thời.

- Chế độ, quyền lợi của lực lượng làm trực tiếp công tác quản lý bảo vệ rừng không có “ngoài lương”, không được hưởng các chế độ như: phụ cấp lưu động, nguy hiểm, độc hại, thu hút đặc thù và các phụ cấp khác (trừ lực lượng kiểm lâm),... trong khi địa bàn quản lý rộng, dàn trải, địa hình hiểm trở; đối tượng khai thác, vận chuyển lâm sản rất liều lĩnh, manh động và tinh vi;

c) Một số nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan:

+ Đời sống Nhân dân vùng giáp ranh nói riêng và trong toàn huyện nói chung còn nhiều khó khăn, vẫn tồn tại một bộ phận Nhân dân sống bằng nghề rừng; mặt khác do áp lực về nhu cầu sử dụng lâm sản trong xã hội lớn, thu nhập từ nghề rừng khá cao so với công lao động, tạo động lực cho người dân tham gia phá rừng. Do đó chưa ngăn chặn triệt để các hành vi khai thác, mua bán, vận chuyển và lẩn, chiếm đất rừng trái pháp luật trên toàn địa bàn huyện.

+ Các vùng trọng điểm xảy ra phá rừng thường ở những vùng giáp ranh có địa hình hiểm trở, xa dân cư, xa trụ sở chính quyền địa phương nên công tác theo dõi nắm tình hình và tổ chức ngăn chặn gặp nhiều khó khăn, chưa kịp thời.

+ Lực lượng bảo vệ rừng của các đơn vị chủ rừng còn thiếu về trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy rừng và công cụ hỗ trợ để phục vụ công tác truy quét chống phá rừng nên chưa làm tốt công tác quản lý bảo vệ rừng tận gốc.

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Một số Cấp ủy và Chính quyền địa phương chưa thực hiện tốt vai trò, trách nhiệm của mình trong việc phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về rừng và đất lâm nghiệp đối với UBND các cấp, và xem nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng là trách nhiệm của các cơ quan ngành lâm nghiệp; thiếu sự phối hợp chỉ đạo thống nhất trong công tác chống phá rừng giữa các lực lượng nên hiệu quả chưa cao. Công tác tuần tra truy quét rừng tiến hành chưa thường xuyên, do vậy tình trạng phá rừng và các hành vi khai thác kinh doanh, buôn bán lâm sản trái phép vẫn còn xảy ra.

+ Công tác phối hợp tuần tra truy quét giữa huyện Thuận Nam và các huyện giáp ranh như Ninh Phước, Ninh Sơn, Tuy Phong - Bình Thuận chưa được triển khai thường xuyên.

+ Công tác chỉ đạo, nắm bắt địa bàn của một số công chức Kiểm lâm được giao phụ trách chưa thật sự sâu, sát, chưa làm hết chức năng, nhiệm vụ của mình nên công tác tham mưu chính quyền địa phương giải quyết, xử lý các vụ việc phát sinh chưa kịp thời. Năng lực của cán bộ viên chức làm trực tiếp công tác quản lý bảo vệ rừng, sử dụng rừng và đất lâm nghiệp của đơn vị còn hạn chế.

+ Chế độ, quyền lợi của lực lượng làm trực tiếp công tác quản lý bảo vệ rừng chưa tương xứng với chức năng, nhiệm vụ, địa bàn phụ trách trong khi địa bàn quản lý rộng, hiểm trở, đối tượng khai thác, vận chuyển lâm liệu lĩnh, mạnh động và tinh vi;

+ Sự phối hợp vào cuộc giữa các ngành liên quan đến sử dụng đất lâm nghiệp, quản lý bảo vệ rừng và đất rừng ở nhiều nơi, có lúc chưa đồng bộ và chưa kịp thời;

III. Kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, bảo vệ; sử dụng đất rừng, phát triển rừng (rừng tự nhiên, rừng trồng); tỷ lệ che phủ rừng giai đoạn 2016 - 2021 trên địa bàn huyện

1. Công tác quản lý, bảo vệ rừng

a) Công tác quản lý rừng:

- Thực hiện Nghị quyết số 43/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 và các Nghị quyết liên quan của HĐND tỉnh; hàng năm, Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo các đơn vị chủ rừng, hạt kiểm lâm, các xã phối hợp với ngành kiểm lâm tham gia xây dựng quy hoạch 03 loại rừng giai đoạn 2016 - 2026 phù hợp với tình hình thực tế địa phương; chỉ đạo tiếp nhận bàn giao quy hoạch, triển khai công tác quản lý, bảo vệ trên kết quả quy hoạch đã được phê duyệt.

- Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo các đơn vị chủ rừng, hạt kiểm lâm, UBND các xã phối hợp với Chi cục Kiểm lâm rà soát, kiểm tra toàn bộ diện tích rừng và đất rừng trong lâm phần đơn vị quản lý, để cập nhật diễn biến rừng và đất rừng vào tích hợp quy hoạch 03 loại rừng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch lâm nghiệp quốc gia theo đúng quy định. Tính đến 31/12/2021, trên địa bàn huyện quản lý quy hoạch 03 loại rừng theo Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 28/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh với diện tích 32.191,07 ha.

- Công tác giao đất, giao rừng, cho thuê rừng, chuyển loại rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cho các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng theo quy định pháp luật và so với quy hoạch 03 loại rừng của Tỉnh giai đoạn 2016 -2025:

+ *Công tác bàn giao, tiếp nhận hồ sơ*: Đến nay UBND huyện đã chỉ đạo các đơn vị chủ rừng, hạt kiểm lâm và 07 xã đã tiếp nhận 01 bộ hồ sơ để quản lý ngay sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 28/6/2018 về việc phê duyệt kết quả quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016-2025;

+ *Công tác bàn giao thực địa, hiện trạng quản lý rừng và đất lâm nghiệp cho chủ rừng và UBND xã*: UBND huyện đã chỉ đạo các đơn vị quản lý rừng cùng phối hợp với các địa phương tổ chức bàn giao thực địa đất quy hoạch đưa ra 03 loại rừng để sản xuất nông nghiệp cho UBND 05 xã với diện tích: 1.351,45 ha (xã Phước Dinh 996,96 ha, xã Phước Hà 107,08 ha, xã Nhị Hà 176,77 ha, xã Phước Nam 67,50 ha, xã Phước Minh 3,14 ha).

+ *Công tác tổ chức cắm mốc ranh giới quản lý rừng và đất lâm nghiệp*: Trên cơ sở Quyết định số 841/QĐ-UBND ngày 24/5/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt hồ sơ thiết kế kỹ thuật cắm mốc ranh giới diện tích rừng; đến nay, huyện Thuận Nam đã chỉ đạo các đơn vị triển khai hoàn thành việc cắm mốc ranh giới rừng và đất lâm nghiệp cho 02 chủ rừng với số lượng 238 mốc.

- Lập hồ sơ quản lý nương rẫy: Tính từ 2016 đến nay, toàn huyện có khoảng 686,39 ha nương rẫy xen kẽ trong quy hoạch 03 loại rừng, hiện nay UBND huyện đang tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tổ chức rà soát, kiểm tra diện tích nương rẫy đan xen để lập hồ sơ quản lý theo đúng quy định.

- Kết quả chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: Được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh để thực hiện các dự án đầu tư phát triển kinh tế-xã hội trên địa bàn huyện, từ năm 2016-2021 UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn huyện cùng các địa phương tham mưu chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác với diện tích 1.609,61 ha, trong đó 25,96 ha rừng tự nhiên đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định (*kèm phụ biểu 08*).

- Công tác tổ chức quản lý rừng của các cơ quan, chủ rừng và UBND các xã thực hiện đảm bảo theo nguyên tắc, thẩm quyền theo quy định pháp luật (*thực hiện theo nguyên tắc các diện tích rừng có chủ, do UBND các xã quản lý đã được chuyển cho các đơn vị chủ rừng quản lý*). Hàng năm, UBND huyện đã chỉ đạo các chủ rừng, Hạt Kiểm lâm tổ chức theo dõi diễn biến rừng, xác định các diện tích biến động của từng loại rừng, từng chủ rừng cập nhật diễn biến rừng, đồng bộ dữ liệu về trung tâm kịp thời, theo quy định nhằm phục vụ công tác xây dựng quy hoạch, kế hoạch trong quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, quản lý, lưu trữ hồ sơ, cơ sở dữ liệu rừng cấp huyện theo quy định.

b) Công tác bảo vệ rừng:

- *Về truy quét chống phá rừng*: Hàng năm, UBND huyện đã chỉ đạo triển khai kịp thời các Phương án Phòng cháy chữa cháy rừng - Truy quét chống phá rừng quyết liệt; do đó, đã ngăn chặn kịp thời các hành vi xâm hại tài nguyên

rừng, các vụ việc vi phạm đều được phát hiện kịp thời, xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật. Tình hình vi phạm tại khu vực giáp ranh được các cơ quan, ngành giáp ranh phối hợp, triển khai đồng bộ nên không xảy ra tình trạng lấn, chiếm, phá rừng tại khu vực giáp ranh.

- UBND huyện đã thực hiện ký kết quy chế phối hợp trong việc quản lý rừng đối với các huyện giáp ranh Ninh Phước, Ninh Sơn, huyện Tuy Phong-tỉnh Bình Thuận. Đồng thời chỉ đạo Hạt Kiểm lâm huyện tổ chức ký kết quy chế phối hợp với các Hạt Kiểm lâm huyện Ninh Phước, Ninh Sơn, huyện Tuy Phong-tỉnh Bình Thuận. Vì vậy từ năm 2016 đến nay tình hình vi phạm tại khu vực giáp ranh được kiểm soát.

- Công tác phòng cháy, chữa cháy rừng: Để kiểm tra, kiểm soát các hành vi xâm hại rừng, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi khai thác, vận chuyển cây rừng làm cây cảnh, than hầm, phá rừng làm nương rẫy, hàng năm Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo Hạt Kiểm lâm các cơ quan, chủ rừng, UBND các xã tăng cường công tác tuần tra truy quét chống phá rừng, nhất là các vùng trọng điểm, vùng giáp ranh, tuyến đường ven biển, quốc lộ 1A. Hầu hết các đợt truy quét chống phá rừng, các đơn vị Hạt Kiểm lâm, Công an huyện và các đơn vị nhận khoán bảo vệ rừng luôn phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương các xã triển khai thực hiện; phân công cụ thể cho các cơ quan, ban ngành về vai trò trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân trong việc phối hợp chữa cháy rừng.

Từ 2016-2021, toàn huyện đã xảy ra 28 điểm cháy rừng với 6,205 ha; đa phần các đám cháy đã được phát hiện kịp thời và dập tắt ngay từ khi mới phát sinh, do đó chưa gây thiệt hại nghiêm trọng. Hầu hết diện tích bị cháy đều ở hiện trạng rừng Khộp (*rừng rụng lá vào mùa khô*), thảm thực bì, lá rụng nhiều trong mùa khô, do đó khi gặp thời tiết khô nóng dễ phát sinh cháy cỏ và lá khô lướt qua dưới tán rừng đa phần không làm ảnh hưởng đến cây rừng; đã kịp thời huy động 378 lượt người tham gia chữa cháy rừng, không để xảy ra cháy lan, cháy lớn;

- Kết quả xử lý các hành vi vi phạm về lâm nghiệp, nhất là tại vùng giáp ranh; tình hình lấn chiếm rừng và đất rừng, mở rộng, coi nới diện tích đất nương rẫy:

+ *Về lâm nghiệp*: Đến nay qua các đợt tuần tra truy quét chống phá rừng đã phát hiện, xử lý 498 vụ. Tang vật, phương tiện tịch thu gồm: 327 xe mô tô; 01 phương tiện khác; 5,562 m³ gỗ tròn; 28,751 m³ gỗ xẻ; Giá trị lâm sản ngoài gỗ (1.000 đồng) 547.216,500; thu nộp ngân sách Nhà nước 1.076.768,500 đồng.

+ *Về lấn, chiếm, phá rừng*: Đã chỉ đạo kịp thời các đơn vị kiểm lâm, chủ rừng và UBND các xã tổ chức kiểm tra ngăn ngừa kịp thời các trường hợp có hành vi lấn chiếm đất rừng (*tranh chấp, lấn chiếm, chặt phá, san ủi và chuyển mục đích sử dụng đất lâm nghiệp trái phép*), kịp thời phát hiện 46 vụ phá rừng với diện tích là 65.033 m². Trong đó: (1) Hành vi phá rừng: 04 trường hợp với diện tích là 65.033 m² (*Năm 2019 diện tích: 1.148 m², Năm 2020 diện tích: 63.885 m²*); (2) Hành vi lấn, chiếm sử dụng đất lâm nghiệp: 06 trường hợp đã có quyết định xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; (3) Hành vi vi phạm khác: 36 trường hợp có hành vi mở rộng, coi nới diện tích, xây dựng chuồng trại

chăn nuôi gia súc và một số các công trình khác trong lâm phần đơn vị quản lý. Đã lập hồ sơ đình chỉ ngăn chặn kịp thời; Đặc biệt cho các hộ ký cam kết để theo dõi quản lý (*kèm phụ biểu 03*)

2. Công tác phát triển rừng, sử dụng đất rừng:

a) Kết quả giao khoán bảo vệ rừng kết hợp triển khai mô hình sinh kế (giao khoán bảo vệ rừng kết hợp chăn nuôi):

- Từ 2016 - 2021, UBND huyện đã chỉ đạo giao khoán chuyên tiếp 94.701 lượt ha rừng cho các nhóm cộng đồng người dân trên địa bàn các xã Phước Nam, Phước Minh và Phước Diêm, Phước Hà theo Nghị định 75/2015/NĐ-CP và Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ, gắn với mô hình sinh kế bền vững cho người dân. Tính đến thời điểm hiện nay đã có 723 con/19 tổ cộng đồng/415 hộ tham gia (*Ban quản lý rừng Phòng hộ đầu nguồn hồ Tân Giang: 531 con; Ban quản lý rừng Phòng hộ ven biển Thuận Nam: 192 con*); qua đó đã góp phần cải thiện được đời sống kinh tế gia đình và nâng cao nhận thức của người dân trong công tác bảo vệ rừng;

- Đồng thời đã tổ chức giao khoán bảo vệ rừng cho các lực lượng vũ trang là 11.867,05 lượt ha. Nhìn chung, toàn bộ diện tích rừng giao khoán bảo vệ, các lực lượng vũ trang nhận khoán bảo vệ rừng vẫn đang tiếp tục bảo vệ tốt và không để xảy ra tình trạng phá rừng; Tài nguyên rừng được đảm bảo, không bị thiệt hại.

b) Kết quả trồng rừng và chăm sóc rừng trồng:

- *Về trồng rừng:* Từ 2016-2021, các đơn vị quản lý rừng đã tổ chức trồng rừng được 1.268,23 ha; trong đó: (1) Trồng rừng theo Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp: 449,43ha; (2) Trồng rừng phòng hộ theo dự án JICA: 715,24 ha; (3) Trồng rừng thay thế: 103,56 ha. Thông qua công tác trồng rừng đã phần nào phủ xanh các diện tích đất trống, nương rẫy bạc màu, bỏ hoang lâu năm, góp phần tăng độ che phủ của rừng, tạo sinh kế bền vững cho người dân từ việc trồng rừng, góp phần giải quyết việc làm cho lao động nhàn rỗi tại các xã miền núi trong lâm phần

- *Về chăm sóc rừng:* Đến nay, UBND huyện đã chỉ đạo các đơn vị triển khai chăm sóc rừng trồng với tổng diện tích là: 3.271,38 ha, công tác chăm sóc rừng có tác dụng đảm bảo cho rừng sinh trưởng, phát triển, có khả năng chống chịu với các điều kiện bất lợi trong thời gian kiến thiết cơ bản, đạt mật độ đúng quy định khi rừng khép tán, trên cơ sở diện tích rừng trồng các năm trước, cán bộ kỹ thuật đơn vị tiến hành kiểm tra tình hình sinh trưởng của rừng, xác định tỷ lệ sống, mật độ còn lại để lập kế hoạch chăm sóc, đồng thời chuẩn bị đầy đủ cây con để trồng dặm, khâu chăm sóc được đơn vị tạo điều kiện cho hộ dân làm để kiếm thêm thu nhập.

- *Đối với trồng mới rừng sản xuất:* Kết quả thực hiện trồng rừng hỗ trợ sản xuất giai đoạn 2016-2021 là 45 ha; loài cây trồng là Keo lá tràm. Đến nay một số hộ tham gia trồng đã thu hoạch. Về cơ bản cây keo sau khi trồng có sinh trưởng và phát triển, đạt các chỉ tiêu về đường kính và chiều cao trong những năm đầu.

- *Đối với trồng rừng thay thế:* đã trồng được với tổng diện tích là: 1.551,8 ha rừng trồng thay thế với tổng kinh phí là 1.285,4 triệu đồng. Hiện nay rừng sinh

trường và phát triển tốt, đang trong thời kỳ kiến thiết cơ bản. Việc trồng rừng thay thế không những góp phần phát triển lâm nghiệp bền vững, nâng cao độ che phủ rừng, bù đắp lại diện tích rừng đã bị chuyển đổi mà còn nâng cao nhận thức của người dân trong việc trồng cây gây rừng, góp phần giải quyết việc làm cho lao động địa phương. Với quyết tâm khôi phục rừng trên các diện tích đất trống, UBND huyện đã chỉ đạo các đơn vị nghiên cứu thiết kế loài cây bản địa, trồng đa loài cây, nhiều tầng tán, cây phù hợp với thổ nhưỡng để đảm bảo sau chu kì đầu tư rừng trồng đạt độ che phủ theo quy định.

c) Công tác khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng: Đến nay diện tích được đưa vào khoanh nuôi xúc tiến tái sinh là 4.513,17 ha; loại đất trống được áp dụng là đất trống có cây gỗ tái sinh rải rác (DT2, Ib, Ic, RI); biện pháp kỹ thuật được áp dụng: khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có trồng bổ sung cây lâm nghiệp. Trong đó:

+ Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có tác động: 1.720,0 ha.

+ Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh không tác động: 2.793,17 ha.

d) Kết quả trồng cây phân tán, tổ chức quản lý, bảo vệ cây phân tán tại đô thị, nông thôn, khu công nghiệp: Từ 2016-2021, các đơn vị đã tổ chức trồng cây phân tán là 163.133 cây (*cây Xà Cừ, cây Phi Lao và cây Thanh Thắt*) cho các tổ chức, tập thể, cá nhân, hộ gia đình trên địa bàn huyện đạt chỉ tiêu kế hoạch giao. Ngoài công tác trồng rừng phòng hộ, trồng rừng hỗ trợ sản xuất, đơn vị còn đã gieo ươm cây giống hỗ trợ trồng phân tán trong Nhân dân để hỗ trợ cho các đơn vị, các hộ dân nhằm tạo bóng mát cho công sở, khu dân cư.

đ) Công tác đào tạo nghề, phát triển nguồn nhân lực: Hàng năm, các đơn vị ngành lâm nghiệp luôn tạo điều kiện cho các viên chức tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn để đáp ứng kịp thời trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

3. Kết quả thực hiện tỷ lệ che phủ rừng giai đoạn 2016 - 2021:

Được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và Thường trực huyện ủy; công tác phối hợp của các Sở, ngành liên quan và sự triển khai kịp thời của đơn vị chủ rừng, do đó tỷ lệ che phủ rừng tăng và đạt chỉ tiêu hàng năm, cụ thể: Năm 2016: 36,85%; Năm 2017: 36,85 %; Năm 2018: 37,00 %; Năm 2019: 37,16 %; Năm 2020: 41,51 %; Năm 2021: 42,75 %;

4. Kết quả huy động nguồn lực giai đoạn 2016 - 2020 thực hiện bảo vệ, phát triển rừng (so với chỉ tiêu Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND tỉnh):

Từ 2016 - 2021, các nguồn vốn thực hiện công tác bảo vệ, phát triển rừng trên địa bàn huyện, cụ thể:

- Nguồn vốn đầu tư (vốn TW): Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững là 40.041,265 triệu đồng.

- Nguồn vốn khác: 87.312,391 triệu đồng. Trong đó: Chương trình trồng rừng thay thế (*vốn ủy thác qua Quỹ bảo vệ và phát triển rừng*) là 4.432,558 triệu đồng; Dự án JICA2 (vốn ODA) là 34.187,504 triệu đồng; Dự án SPRCC (vốn

ODA) là 11.639,616 triệu đồng và Chương trình Hạnh phúc xanh (vốn xã hội hóa) là 1.444,006 triệu đồng.

6. Hoạt động quản lý nhà nước chính quyền các cấp và hoạt động của Kiểm lâm.

- Qua 05 năm thực hiện Chỉ thị 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng đã được các cấp ủy, chính quyền, các ngành trong hệ thống chính trị quan tâm triển khai, đạt được những kết quả quan trọng đặc biệt là sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, ý thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và mọi cá nhân đối với việc quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, địa phương được nâng cao.

- Trách nhiệm quản lý Nhà nước về rừng và đất lâm nghiệp của chính quyền địa phương được nâng cao; công tác lãnh đạo, chỉ đạo được triển khai thực hiện quyết liệt, kịp thời; tổ chức quán triệt, thực hiện nghiêm túc các Chỉ thị, Quyết định của Trung ương và của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về công tác quản lý, bảo vệ rừng. Quá đó, công tác quản lý bảo vệ rừng trên địa bàn có chuyển biến tích cực.

- Căn cứ Quyết định số 83/2007/QĐ-BNN ngày 04/10/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về nhiệm vụ công chức Kiểm lâm địa bàn cấp xã. Đến nay 7/8 xã có rừng đều được bố trí Kiểm lâm địa bàn phụ trách tại xã để chủ động tham mưu UBND xã triển khai thực hiện trách nhiệm quản lý Nhà nước về rừng và đất lâm nghiệp tại địa phương. Lực lượng Kiểm lâm địa bàn đã phối hợp chặt chẽ với các lực lượng bảo vệ rừng của các đơn vị chủ rừng, các ngành của xã thường xuyên bám sát địa bàn, nắm bắt thông tin, ngăn chặn kịp thời các dấu hiệu vi phạm ban đầu có nguy cơ xâm hại đến tài nguyên rừng; kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các tuyến đường có khả năng xảy ra tình trạng vận chuyển lâm sản trái phép; ngăn chặn không cho người và phương tiện không được phép ra vào rừng.

IV. Đánh giá chung

1. Thuận lợi, khó khăn:

a) Thuận lợi:

- Công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn huyện luôn được sự quan tâm chỉ đạo của Huyện ủy, sự phối hợp chặt chẽ của Chi cục Kiểm lâm và các Ban Quản lý rừng, các địa phương có rừng tạo điều kiện thuận lợi trong việc triển khai công tác quản lý, bảo vệ rừng.

- Công tác phối kết hợp giữa cơ quan, đơn vị, ngành kiểm lâm trên địa bàn huyện được triển khai đồng bộ với nhiều giải pháp tích cực; tình hình vi phạm pháp luật về lâm nghiệp được phát hiện, ngăn chặn, xử lý kịp thời không để xảy ra điểm nóng trên địa bàn; công tác phát triển rừng được triển khai thực hiện đạt kế hoạch, gắn bảo vệ rừng kết hợp sinh kế cho người dân đã giúp người dân có nguồn thu nhập ổn định, góp phần giảm nghèo bền vững.

b) Khó khăn:

- Công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật trực tiếp cho người dân về công tác quản lý bảo vệ rừng gặp nhiều khó khăn vì rất ít người dân tham gia;
- Tình trạng người dân chăn nuôi, làm rẫy xen kẽ trong rừng vẫn chưa kiểm soát, một số hộ không ký cam kết về thực hiện công tác phòng chống cháy và không coi nới, mở rộng;
- Việc xử lý các hộ dân lấn chiếm đất lâm nghiệp gặp nhiều khó khăn do các hộ dân không hợp tác trong việc cung cố hồ sơ và khiếu kiện kéo dài.

2. Kết quả đạt được:

- Nhìn chung trong những năm qua tình hình khai thác, vận chuyển lâm sản trái pháp luật trên địa bàn huyện Thuận Nam đã được ngăn chặn, phát hiện, xử lý kịp thời không để xảy ra điểm nóng trên địa bàn; tình phá rừng; lấn, chiếm rừng được kiểm soát chặt chẽ.
- Hoàn thành chỉ tiêu trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng tự nhiên hàng năm.
- Tạo điều kiện cho các hộ dân tham gia nhận rừng khoán quản được vay ưu đãi để phát triển chăn nuôi; tranh thủ các nguồn kinh phí phát triển cộng đồng để thực hiện các mô hình sinh kế tại địa phương đây là giải pháp hữu hiệu giúp bà con tạo nguồn thu nhập và giảm nghèo bền vững.
- Công tác phối kết hợp giữa các ngành, địa phương, vùng giáp ranh luôn được duy trì thường xuyên qua đó nắm bắt thông tin tình hình vi phạm, các nguy cơ xâm hại tài nguyên rừng cùng phối hợp điều tra, theo dõi, xác minh và xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Những tồn tại, hạn chế:

a) Đối với công tác quản lý, bảo vệ rừng:

- Công tác quản lý rừng và đất rừng còn những tồn tại, vướng mắc, bất cập: một số diện tích rừng và đất rừng có hiện trạng quy hoạch 03 loại rừng ban hành kèm theo Quyết định 199/QĐ-UBND ngày 28/6/2018 của UBND tỉnh trên bản đồ không trùng với hiện trạng thực tế ngoài thực địa; diện tích đất nương rẫy của người dân xen kẽ trong rừng và đất rừng chưa được bóc tách, công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cho chủ rừng chưa được thay đổi, bổ sung theo quy định (*giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp trước đây đã hết hạn*).
- Tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất nông nghiệp là đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất trái pháp luật vẫn còn xảy ra tìm ẩn nhiều bất ổn khó lường.
- Phần lớn diện tích đất nông nghiệp của người dân hiện xen kẽ trong lâm phần dẫn tới các hành vi lấn chiếm rừng và đất rừng trái phép để coi nới, mở rộng diện tích nương rẫy mỗi năm rất khó phát hiện; việc phát, đốt nương rẫy để canh tác nông nghiệp dễ có nguy cơ cháy lan vào rừng.
- Đơn vị chủ rừng chưa có biện pháp hữu hiệu để phát hiện và ngăn chặn kịp thời các vụ phá rừng xảy ra trên lâm phần được giao quản lý; lực lượng chuyên trách quản lý bảo vệ rừng còn thiếu, yếu về năng lực, chưa được trang bị đầy đủ các phương tiện cần thiết nên gặp khó khăn trong công tác tuần tra truy quét

chống phá rừng, nhiều vụ phá rừng, lấn chiếm đất nông nghiệp là đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất không phát hiện được đối tượng vi phạm.

- Đối tượng có hành vi vi phạm về phá rừng, lấn chiếm đất nông nghiệp là đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất chủ yếu là người địa phương có hoàn cảnh kinh tế khó khăn được hưởng chế độ ưu đãi của Nhà nước nên khi ra quyết định xử phạt đối với các đối tượng này thì họ thường không có đủ khả năng thi hành thực hiện quyết định xử phạt nên thiếu tình răn đe, giáo dục.

- Các vụ vi phạm phá rừng vượt mức xử phạt vi phạm hành chính có dấu hiệu tội phạm chuyển sang xử lý hình sự chưa được củng cố hồ sơ kịp thời để chuyển sang cơ quan điều tra, do nguyên nhân giám định mức độ thiệt hại tài nguyên rừng thực hiện chậm, thiếu chính xác, không khởi tố vụ án kịp thời, dẫn đến đối tượng xem thường kỷ cương pháp luật.

- Cấp chính quyền địa phương các xã tuy đã ban hành Kế hoạch tuần tra truy quét chống phá rừng hàng tháng nhưng việc triển khai thực hiện hiệu quả chưa cao, thiếu sự kiểm tra giám sát hoạt động tuần tra, truy quét chống phá rừng của các đơn vị chủ rừng trong việc thực hiện nhiệm vụ trọng tâm là quản lý rừng tận gốc. Kinh phí, phương tiện trang bị cho công tác quản lý bảo vệ rừng tại địa phương còn thiếu, chưa đáp ứng nhu cầu thực tế.

- Mặc dù các đơn vị chủ rừng, UBND các xã đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, triển khai nhiều biện pháp PCCC nhưng tình trạng cháy rừng vẫn còn xảy ra. Tình hình chặt cây hầm than, khai thác thực vật rừng làm cây cảnh tuy nhỏ lẻ nhưng vẫn còn xảy ra.

- Việc các hộ cá nhân mua bán cây cảnh có nguồn gốc từ rừng tự nhiên dọc tuyến đường Quốc lộ 1A từ địa phận xã Phước Minh đến xã Cà Ná vẫn còn.

b) Đối với công tác phát triển rừng

Các chương trình dự án phát triển lâm nghiệp không ổn định, đầu tư theo từng giai đoạn và chậm chuyển tiếp, tác động ảnh hưởng đến tính kế thừa các hạng mục đầu tư của chu kỳ tiếp theo, các chỉ tiêu kế hoạch hằng năm giao trong công tác trồng, chăm sóc rừng trồng, khoanh nuôi súc tiến tái sinh rừng tự nhiên, khoán bảo vệ rừng chậm.

c) Về thực hiện tỷ lệ độ che phủ rừng

Mặc dù độ che phủ rừng có tăng nhưng diện tích rừng thành rừng còn thấp, việc khoanh nuôi, xúc tiến tái sinh tự nhiên rừng và trồng bổ sung thực hiện được phân bổ còn hạn chế nên chưa tăng độ che phủ cao. Việc chuyển mục đích sử dụng rừng và đất rừng để thực hiện các Dự án phát triển kinh tế-xã hội trên địa bàn hằng năm tạo áp lực rất lớn đến việc duy trì, nâng cao tỷ lệ che phủ rừng.

d) Về thực hiện chính sách đầu tư bảo vệ và phát triển rừng

- Kinh phí chi trả công khoán bảo vệ rừng cho cộng đồng năm 2021, 2022 chưa cấp, suất đầu tư trồng rừng và khoán bảo vệ rừng chưa đảm bảo được ngày công lao động trên thị trường do đó chưa thật sự thu hút người dân gần bó tham gia làm nghề rừng.

- Đối với trồng và chăm sóc rừng trồng: Do khí hậu khô hạn, đất đai cằn cỗi, địa hình đồi dốc, xa dân cư, thực bì đất trồng rừng chủ yếu là cỏ Tranh, Lau, Sậy, công tác xử lý thực bì khó khăn tốn kém, vượt cao so với định mức quy định, đường vận chuyển không có, cự ly vận chuyển nhân công, cây giống, phân bón xa... về mùa, mưa thường hay bị sạt lở. Diện tích đất trồng rừng và chăm sóc rừng phòng hộ manh mún, rải rác không tập trung, khó khăn cho công tác khảo sát, thiết kế, trồng rừng và rất khó quản lý, chăm sóc, phòng cháy chữa cháy rừng trồng.

- Nguồn vốn phân bổ chậm, không ổn định đầu giai đoạn, thường tập trung vào các năm cuối nên ảnh hưởng đến việc xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện trồng rừng.

d) Về công tác quản lý nhà nước

- Một số KLDB chưa thực sự nắm chắc tình hình, thiếu sự phối hợp chặt chẽ, để xảy ra phá rừng, cháy rừng.

- Công tác phối kết hợp giữa các lực lượng chống phá rừng chưa được thường xuyên, đồng bộ.

Nguyên nhân hạn chế: Tuy đã được các cơ quan chức năng cảnh báo về nguy cơ cháy rừng vào thời điểm nắng nóng cao điểm nhưng việc kiểm soát người ra vào rừng chưa được chặt chẽ, ý thức sử dụng lửa của một số người dân còn hạn chế nên đã dẫn đến cháy rừng; Việc cứu chữa đã được các đơn vị chủ rừng, UBND các xã huy động kịp thời nhưng do địa hình rừng núi hiểm trở, gió lớn, xa nguồn nước nên công tác chữa cháy gặp rất nhiều khó khăn.

4. Một số bài học kinh nghiệm:

- Để thực hiện tốt công tác quản lý và bảo vệ rừng, bên cạnh việc đẩy mạnh công tác tuần tra, kiểm tra thì công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người dân là rất quan trọng. Ngoài ra, cần quản lý tốt đội ngũ cán bộ, công chức viên chức bảo vệ rừng của các đơn vị chủ rừng. Bên cạnh đó, cán bộ, công chức kiểm lâm và lực lượng bảo vệ rừng thường phải ở các chốt, trạm nằm sâu trong rừng, điều kiện sinh hoạt khó khăn nên cần thường xuyên quan tâm, động viên tinh thần... để những cán bộ, nhân viên này hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao...

- Tăng cường sự chỉ đạo và nêu cao trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền các địa phương trong quản lý nhà nước về rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn. Sự phối hợp chỉ đạo của các ngành chức năng Kiểm lâm, Công an, Quân sự, sự phối hợp với chính quyền địa phương và các chủ rừng trong công tác bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng. Xác định các địa bàn trọng điểm để có các phương án phối hợp kiểm tra, truy quét và xử lý vi phạm kịp thời.

- Trong công tác phòng cháy, chữa cháy rừng lấy phòng là chính, do vậy phải đầu tư kinh phí thoả đáng cho công tác phòng cháy, chữa cháy rừng, tăng cường công tác kiểm tra, chấn chỉnh kịp thời những vụ vi phạm trong việc phòng cháy, chữa cháy rừng và chủ động phương châm 4 tại chỗ, vì khi cháy rừng xảy ra ở vùng núi hiểm trở xa khu dân cư thì rất khó khăn về mọi phương diện, điều kiện khi tham gia chữa cháy.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tập huấn về công tác quản lý bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng bằng tiếng Rắklây và tiếng Chăm để nâng cao nhận thức, giác ngộ cho nhân dân vùng cao thấy được tác dụng của rừng, từ đó người dân sẽ gắn bó hơn với công tác Quản lý bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng.

- Các đơn vị chủ rừng, Ủy ban nhân dân xã, lực lượng kiểm lâm địa bàn phải tăng cường kiểm tra, kiểm soát các hoạt động nương rẫy, theo dõi, hướng dẫn các chủ hộ canh tác nương rẫy khi đốt nương phải làm đường ranh cản lửa đảm bảo an toàn, không để cháy lan và cương quyết không cho đốt nương vào những ngày hanh khô và có gió to.

- Làm tốt công tác thông tin báo cáo và thi đua, khen thưởng, kỷ luật trong công tác bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng.

- Vận động các hộ gia đình tham gia mô hình khoán bảo vệ rừng vì lực lượng cộng đồng nhận khoán bảo vệ rừng là lực lượng nòng cốt hỗ trợ đắc lực, thực hiện hiệu quả trong công tác QLBR, PCCCR và phát triển rừng.

- Luôn gắn công tác bảo vệ rừng và phát triển rừng với kết hợp triển khai sinh kế tạo công ăn việc làm nâng cao thu nhập từ rừng cho người dân.

- Rà soát, quy hoạch và quản lý chặt chẽ việc canh tác nương rẫy của người dân sống ven rừng, trong rừng;

- Các cơ quan chức năng cần nắm rõ nhu cầu về đất sản xuất của người dân, từ đó có hướng giải quyết thỏa đáng về nhu cầu đất sản xuất, nhằm giảm tải tình trạng vào phá rừng làm nương rẫy trái pháp luật;

- Xây dựng phương án, kế hoạch tuần tra, truy quét chống phá rừng của các Ban chỉ huy trong quá trình hoạt động từng thời điểm trong năm;

- Thực hiện tốt Quy chế phối hợp đã ký kết để nâng cáo hiệu quả trong công tác chống phá rừng.

V. Một số giải pháp thực hiện trong thời gian đến

1. UBND huyện tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, ban, ngành, UBND các xã thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ đã được giao tại Kế hoạch số 96-KH/HU ngày 31/8/2017 của Huyện ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý bảo vệ rừng và phát triển rừng; Kế hoạch số 48/KH-UBND ngày 13/3/2018 của Ủy ban nhân dân huyện triển khai, thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ rừng và phát triển rừng.

2. Chỉ đạo triển khai công tác hoạt động phòng ngừa, thực hiện tốt phương châm “4 tại chỗ” nhằm đạt mục tiêu 3 giảm (*số vụ, diện tích, và tài nguyên rừng bị thiệt hại*) trong công tác PCCCR; tổ chức cảnh báo nguy cơ cháy rừng trong thời điểm nắng nóng kịp thời đến các đơn vị chủ rừng, địa phương để chủ động phòng ngừa, triển khai công tác PCCCR; chủ động, nâng cao năng lực, xử lý kịp thời, hiệu quả công tác phòng cháy, chữa cháy rừng; trong quá trình triển khai công tác cần quan tâm chú trọng phối kết hợp, trao đổi thông tin giữa các lực lượng, đơn vị, hỗ trợ nhau thực hiện tốt nhiệm vụ.

3. Ban hành kịp thời các văn bản chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn các địa phương trong công tác bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng. Chỉ đạo các đơn vị quản lý rừng thực hiện tốt chức năng tham mưu cho chính quyền địa phương các xã triển khai có hiệu quả các giải pháp trong công tác bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng; tăng cường kiểm tra vùng trọng điểm cháy rừng, ngăn chặn kịp thời người đưa phương tiện, công cụ vào rừng nhằm hạn chế đến mức thấp nhất nguồn lửa trong rừng; Kiểm lâm địa bàn, Trạm Kiểm lâm Nhị Hà, Trạm quản lý bảo vệ rừng thường xuyên bám sát địa bàn, chủ động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn kịp thời các hành vi xâm hại tài nguyên rừng nhằm thực hiện tốt chính sách bảo vệ rừng tận gốc.

4. Các đơn vị chủ rừng, UBND các xã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về quản lý bảo vệ và phát triển rừng đến toàn thể quần chúng nhân dân sống, canh tác trong, ven rừng bằng nhiều hình thức thiết thực, sâu rộng, phong phú, đa dạng; vận động người dân trồng rừng (*trồng cây lâm nghiệp, cây lâu năm*) trên diện tích nương rẫy xen kẽ trong quy hoạch 03 loại rừng.

5. Chỉ đạo các đơn vị chủ rừng chủ động từ khâu chuẩn bị giống và trồng khi thời tiết thuận lợi; phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương các xã tuyên truyền chính sách của Nhà nước về phát triển rừng; kiểm tra, giám sát công tác quản lý, bảo vệ rừng trên diện tích nhận khoán đối với các đơn vị, cộng đồng nhận rừng khoán quản; hỗ trợ các hộ dân tham gia nhận rừng khoán quản được vay ưu đãi theo các chính sách hiện hành.

6. Theo dõi chặt chẽ việc chuyển mục đích sử dụng rừng và diện tích chưa thành rừng sang mục đích khác; chỉ đạo tăng cường kiểm tra, giám sát việc thi công công trình trong, ven rừng nhằm phát hiện kịp thời các hành vi vi phạm Luật Lâm nghiệp; xử lý nghiêm đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm.

VI. Đề xuất, kiến nghị

1. Kiến nghị Hội đồng nhân dân tỉnh quan tâm xem xét chế độ đặc thù ngành, chính sách hỗ trợ cho lực lượng quản lý bảo vệ rừng, vì đây là lực lượng trực tiếp làm công tác bảo vệ rừng, thường xuyên đối mặt với những nguy hiểm, độc hại khi làm nhiệm vụ, lại không có một chế độ gì ngoài tiền lương, không được hưởng phụ cấp ưu đãi, độc hại, nguy hiểm, chế độ thâm niên...; điều kiện làm việc còn thiếu thốn. Đồng thời cần có chính sách hỗ trợ giao khoán bảo vệ rừng đối với cộng đồng nằm ngoài khu vực I, II, III.

2. Kiến nghị UBND tỉnh:

- Để có nguồn vốn tiếp tục thực hiện công tác khoán bảo vệ rừng cho cộng đồng; kiến nghị UBND tỉnh cần bố trí vốn kịp thời cho những năm tới thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững để các đơn vị chủ động có kinh phí thanh toán nhận khoán bảo vệ rừng.

- Kiến nghị UBND tỉnh chỉ đạo cơ quan chức năng của tỉnh tăng cường phối hợp với UBND huyện kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ đối với các trường hợp mua bán, vận chuyển cây cảnh có nguồn gốc từ rừng tự nhiên để có biện pháp xử lý dứt điểm trên địa bàn; tăng cường phối hợp với địa phương trong việc kiểm tra ngăn chặn kịp thời và xử lý các hành vi làm chòi, chuồng chăn nuôi trên đất trồng

lâm nghiệp, khai thác đá chẻ, cát trái phép và xử lý dứt điểm đối với những vụ lấn chiếm đất lâm nghiệp còn tồn tại trên địa bàn đơn vị quản lý;

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, bảo vệ; phát triển rừng; tỷ lệ che phủ rừng giai đoạn 2016 - 2021 trên địa bàn huyện Thuận Nam./.

Nơi nhận:

- Hội đồng nhân dân tỉnh (b/c);
- Ủy ban nhân dân tỉnh (b/c);
- TT: HU, HĐND huyện (b/c);
- CT, PCT UBND huyện;
- Phòng Nông nghiệp PTNT;
- Hạt Kiểm lâm huyện;
- BQL rừng PH ven biển Thuận Nam;
- BQL rừng PHĐN Hồ Tân Giang;
- Lưu: VT. HCTH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Diệp Minh Xuân